

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 01 năm 2017

Năm 2017 có ý nghĩa rất quan trọng, là năm then chốt trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, là năm đầu triển khai các Nghị quyết và chủ trương lớn được Quốc hội thông qua.

Ngay từ đầu năm Thành Ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, khẩn trương Nghị quyết số 01/NQ-CP; Nghị quyết 35/NQ-CP; Nghị Quyết 05-NQ-TW với mục tiêu “*Nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố gắn với tái cấu trúc kinh tế theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp*”; “*Bảo đảm an sinh xã hội và tiếp tục nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Cải cách hành chính mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phấn đấu xây dựng thành phố trở thành đô thị thông minh; thực hành tiết kiệm, sử dụng ngân sách hiệu quả cao. Mở rộng hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế. Giảm mạnh tội phạm, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội*”.

Sau đây là một số kết quả hoạt động của các ngành, lĩnh vực trong tháng đầu tiên của năm 2017:

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 1 chỉ bằng 86,94% so với tháng trước, đây là quy luật của hầu hết các năm, tháng đầu tiên năm sau đều giảm mạnh so với tháng cuối năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do doanh nghiệp đã đẩy mạnh sản xuất trong tháng 12 để dự trữ hàng phục vụ Tết, bước sang tháng 1 giảm số ngày hoạt động để đón Tết. Chỉ số sản xuất của nhiều ngành giảm mạnh như: sản xuất hóa chất (-25,24%); sản xuất kim loại (-21,27%); sản xuất thiết bị điện (-13,89%); sản xuất đồ uống (-10,2%); chế biến thực phẩm (-12,66%); dệt (-8,51%); sản xuất trang phục (-3,75%); sản xuất giấy (-13,71%).

Tuy nhiên, **chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 1/2017 ước tính tăng 3,82% so với cùng kỳ năm trước¹**, trong đó ngành chế biến chế tạo tăng 3,45%, đóng góp 3,34 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,06%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối nước tăng 5,9% đóng góp 0,11 điểm phần trăm và ngành khai khoáng tăng 121,44%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

¹ Chỉ số IIP tháng 1/2016 tăng 8,19% so cùng kỳ.

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

		Đơn vị tính: %	
		Tháng 1/2017 so với tháng 12/2016	Tháng 1/2017 so với tháng 1/2016
Tổng số		86,94	103,82
Chia theo ngành cấp 1			
1. Công nghiệp khai khoáng	100,40		221,44
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	86,60		103,45
3. SX và phân phối điện	100,00		106,06
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	96,15		105,90
Một số ngành chủ yếu			
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	87,34		102,88
2. Sản xuất đồ uống	89,80		101,15
3. Sản xuất trang phục	96,25		89,36
4. Sản xuất da và SP liên quan	115,74		96,47
5. SX hóa chất và SP hóa chất	74,76		85,62
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	87,74		98,40
7. SP. từ khoáng phi kim loại	82,37		119,32
8. Sản xuất SP điện tử	87,53		115,01
9. Sản xuất thiết bị điện	86,11		112,65
10. Sản xuất xe có động cơ	38,71		101,62

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 18/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. **Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: sản xuất kim loại (+16,92%); sản xuất sản phẩm điện tử (+15,01%); sản xuất giấy (+14,16%); sản xuất thiết bị điện (+12,65%)... **Một số ngành có mức tăng khá** như: in ấn (+9,21%); sản xuất và phân phối điện (+6,06%); khai thác, xử lý và cung cấp nước (+6,33%)... **Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm**: sản xuất hóa chất (-14,38%); sản xuất thuốc, hóa dược (-12,46%); trang phục (-10,64%)...

Chỉ số sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 1 giảm 16,25% so với tháng trước. Tuy nhiên so với tháng cùng kỳ tăng 5,34% cao hơn mức tăng chung của toàn ngành, trong đó ngoài nhóm ngành hóa dược giảm 8,82%, các nhóm ngành còn lại đều tăng hơn so với cùng kỳ như: nhóm ngành lương thực, thực phẩm tăng 1,73%; nhóm ngành sản xuất hàng điện tử tăng 15,01% và nhóm ngành cơ khí tăng 9,33%.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

		Đơn vị tính: %	
		Tháng 1/2017 so với tháng	
		12/2016	1/2016
Tổng số		83,75	105,34
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống		88,95	101,73
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	87,34		102,88
11-Sản xuất đồ uống	89,80		101,15
B-Nhóm Ngành hóa dược		88,94	91,18
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	74,76		85,62
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	105,72		87,54

	Tháng 1/2017 so với tháng	
	12/2016	1/2016
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	87,74	98,40
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	87,53	115,01
26-Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	87,53	115,01
D-Nhóm ngành cơ khí	72,64	109,33
25-Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	98,60	110,32
27-Sản xuất thiết bị điện	86,11	112,65
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	73,46	97,52
29-Sản xuất xe có động cơ	38,71	101,62
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	57,94	113,50

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2016 tăng 10,31% so tháng trước và tăng 7,61% so với tháng cùng kỳ 2015. Trong đó ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất đồ uống; trang phục; sản xuất xe có động cơ; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp như: sản xuất thuốc lá; sản xuất da giày; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/1 tăng 16,46% so với tháng trước, tăng 64,79% so với cùng kỳ năm 2016. Tình hình tồn kho tăng cao so với cùng kỳ là do các doanh nghiệp chuẩn bị hàng dự trữ để bán cuối năm đặc biệt là ngành sản xuất đồ uống, thực phẩm và điện tử tăng khá cao. Tuy nhiên cũng có một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất thuốc lá; dệt; sản xuất da; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt:

Vụ đông xuân: đã xuống giống 3.320 ha lúa, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó huyện Củ Chi 3.021 ha, chiếm 91% diện tích. Rau gieo trồng 3.362 ha, giảm 9,5%.

Sinh vật gây hại trong vụ đông xuân đều thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, trong đó: lúa 395,2 ha; rau 837,5 ha. Mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

1.2. Chăn nuôi: tình hình phát triển đàn gia súc, gia cầm tương đối ổn định, bên cạnh đó thành phố đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh, phối hợp các đoàn liên ngành tăng cường kiểm tra tình hình vận chuyển, giết mổ, kinh doanh động vật, đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ Tết Nguyên đán.

2. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 1 ước đạt 3.700,1 tấn, giảm 15% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nuôi trồng ước đạt 2.254,6 tấn, giảm 16,7% (tôm chiếm 22% sản lượng, giảm 23,2%; thủy hải sản khác chiếm 55,2%, giảm 14,6%). Sản lượng

đánh bắt đạt 1.445,5 tấn, giảm 12,1% so cùng kỳ năm trước; nguyên nhân chủ yếu do nghỉ Tết.

Tình hình thả nuôi tôm tại huyện Cần Giờ: trong 10 ngày đầu năm đã có 293 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 11,7 triệu con giống trên diện tích 2.878,4 ha, chủ yếu được nuôi theo hình thức quảng canh cải tiến. Tôm thẻ chân trắng 88 lượt hộ thả nuôi với 25,88 triệu con giống trên diện tích 53,18 ha.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Vốn xây dựng thuộc ngân sách thành phố tháng 1 ước thực hiện 528,9 tỷ đồng, bằng 96,4% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 306,2 tỷ đồng, chiếm 57,8%; cấp quận huyện ước thực hiện 222,7 tỷ đồng, chiếm 42,2%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện tháng 1 (tỷ đồng)	So với tháng 1/2016 (%)
Tổng vốn đầu tư	528,9	96,4
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	45,4	106,8
Cấp thành phố	306,2	108,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	45,4	106,8
Cấp quận huyện	222,7	75,7
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	-	-

Tháng 1 năm nay, do ảnh hưởng của Tết vào những ngày cuối tháng, nên khối lượng thực hiện thấp hơn cùng kỳ năm trước, chủ yếu là các dự án chuyển tiếp của năm trước chuyển qua và tập trung ở các dự án cầu đường, các dự án thoát nước...

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: hiện đang lắp ghép các nhịp cầu trên cao, khối lượng thực hiện toàn tuyến đạt trên 60%.

- Dự án cầu vượt thép tại nút giao Ngã 6, Quận Gò Vấp: Hiện đã thông xe một nhánh của dự án dài 538,6 mét, còn gói thầu nhánh cầu Nguyễn Oanh – Phạm Ngũ Lão, đang giải phóng mặt bằng.

2. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Trong 15 ngày đầu năm, đã có 16 quốc gia và vùng lãnh thổ được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn Thành phố với 35 dự án, vốn đăng ký đạt 63,1 triệu USD; trong đó, loại hình 100% vốn nước ngoài 31 dự án với vốn đầu tư đạt 62,6 triệu USD.

Nổi bật nhất là ngành thông tin truyền thông 2 dự án, vốn đầu tư đạt 44,3 triệu USD, chiếm 70,2% tổng vốn; kế đến ngành kinh doanh bất động sản 3 dự án, vốn đầu tư 7,6 triệu USD (chiếm 12%); thương nghiệp 16 dự án, vốn đầu tư 4,7 triệu USD (chiếm 7,4%); công nghiệp chế biến chế tạo 2 dự án, vốn đầu tư 3,2 triệu USD (chiếm 5,1%);...

Malaysia là quốc gia dẫn đầu về vốn với 1 dự án, vốn đầu tư đạt 44 triệu USD, chiếm 69,7% tổng vốn; Nhật Bản 6 dự án, vốn đầu tư 6 triệu USD (chiếm 9,6%); Hàn Quốc 8 dự án, vốn đầu tư 4,6 triệu USD; Thái Lan 2 dự án, vốn đầu tư 3,3 triệu USD...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 9 dự án, vốn đầu tư đạt 29,2 triệu USD; 80 trường hợp góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần góp vốn với vốn đầu tư đạt 44 triệu USD.

Tính chung tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới, cấp vốn bổ sung và đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần đạt 136,3 triệu USD (cùng kỳ năm trước đạt 169,5 triệu USD).

3. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)

Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 15/1/2017, đã có 1.556 doanh nghiệp được cấp phép thành lập với vốn đăng ký đạt 15.426 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 10,4% và vốn tăng 76,4%. Theo loại hình có 23 doanh nghiệp tư nhân với vốn đăng ký đạt 13 tỷ đồng, 183 công ty cổ phần với vốn đăng ký đạt 8.433 tỷ đồng, 1.350 công ty TNHH với vốn đăng ký đạt 6.979 tỷ đồng. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng 358 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 3.609 tỷ đồng (tăng 27,3%); thương mại và dịch vụ 1.190 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 11.782 tỷ đồng (tăng gấp đôi cùng kỳ).

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo báo cáo từ cơ quan thuế, từ đầu năm đến ngày 29/12/2016 đã có 28.762 doanh nghiệp ngưng, nghỉ kinh doanh (bằng 64% doanh nghiệp tăng trong kỳ), tăng 8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó bao gồm 11 doanh nghiệp nhà nước; 94 doanh nghiệp có vốn nước ngoài và 28.657 doanh nghiệp ngoài nhà nước.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ

1. Nội thương

Tháng 1 năm nay là tháng cao điểm phục vụ Tết nguyên đán, nhu cầu mua sắm hàng hóa và tiêu dùng của dân cư tăng cao so với các tháng trước. Các doanh nghiệp chủ động khai thác nguồn hàng, đẩy mạnh thu mua, tạm trữ hàng hóa, nguyên liệu đáp ứng nhu cầu của thị trường vào dịp Tết; các ngành, các cấp tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống đầu cơ, đồng thời thực hiện các chính sách bình ổn giá thị trường, không tăng giá xăng dầu; bên cạnh hệ thống siêu thị, chợ truyền thống như mọi năm đã xuất hiện hệ thống bán hàng online phục vụ Tết. Dự báo tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ không có sự tăng đột biến; đồng thời khó xảy ra tình trạng biến động về giá.

Hàng hóa phục vụ thị trường tết đã được các doanh nghiệp lên kế hoạch sản xuất, phân phối từ rất sớm. Ước tính trị giá hơn 17 nghìn tỷ đồng, tăng 860 tỷ đồng so năm trước (+5,3%), trong đó hàng bình ổn thị trường hơn 6,8 nghìn tỷ đồng. Riêng tháng cao điểm từ ngày 29-12-2016 đến 27-1-2017 (từ ngày 1 đến 30 tháng Chạp Âm lịch), tổng giá trị hàng hóa của các doanh nghiệp chuẩn bị hơn 9,7 nghìn tỷ đồng, trong đó hàng bình ổn thị trường là 3,7 nghìn tỷ đồng. Công tác bình ổn thị trường không chỉ cho Thành phố mà còn liên kết các tỉnh, vùng với cam kết không tăng giá 2 tháng trước và sau Tết đối với các mặt hàng bình ổn.

Để phục vụ tối nhu cầu mua sắm hàng hóa, đồng thời tránh tình trạng tắc nghẽn tại các quầy tính tiền trong dịp Tết, các hệ thống siêu thị tham gia bình ổn thị

trường sẽ kéo dài thời gian phục vụ khách hàng từ ngày 20 đến sáng 30 tháng 12 âm lịch. Từ mùng 2 đến mùng 5 Tết Nguyên đán mở cửa từ 8h sáng đến 12h trưa, mùng 6 Tết hoạt động kinh doanh bình thường.

Với sự chuẩn bị chu đáo, đảm bảo hàng hóa đầy đủ cho người dân đón tết, ước tính tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 1 năm 2017 đạt 82.086 tỷ đồng, tăng 3,9% so với tháng trước (12/2016). Trong đó: khu vực nhà nước chiếm 7,3%, tăng 6,4%; Khu vực ngoài nhà nước chiếm 78,6%, tăng 3,7% và khu vực có vốn nước ngoài chiếm 14,1%, tăng 3,5%.

So với cùng kỳ (1/2016), tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 12,1%. Khu vực kinh tế nhà nước tăng 12,6%, ngoài nhà nước tăng 10,3%, đầu tư nước ngoài tăng 23,4%.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp: Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 1 năm 2017 ước đạt 54.788 tỷ đồng, chiếm 66,7% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 4,3% so tháng trước, tăng 11,3% so tháng cùng kỳ.

Chia theo nhóm hàng: lương thực, thực phẩm chiếm 16,6% trong tổng mức bán lẻ, tăng 12,94% so tháng cùng kỳ. Hàng may mặc chiếm 6,6%, tăng 8%; Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 17,4%, tăng 11,7%. Xăng dầu chiếm 7,4%, tăng 7,13%. Phương tiện đi lại (kể cả ô tô) chiếm 8,8%, tăng 19,8%.

b. Khách sạn nhà hàng: ước đạt 7.340 tỷ đồng, chiếm 8,9%, tăng 1,7% so tháng trước, giảm 0,7% so tháng cùng kỳ. Dịch vụ lưu trú tăng 52,87%; dịch vụ ăn uống giảm 6,2% so cùng kỳ nguyên nhân do ngành cung cấp thức ăn cho công nhân và trường học nghỉ tết trong tháng 1.

c. Dịch vụ lữ hành: 2.291 tỷ đồng, chiếm 2,8%, tăng 14,3% so tháng trước, tăng 77,2% so cùng kỳ do số người đăng ký đi du lịch trong dịp Tết tăng.

d. Dịch vụ khác: 17.666 tỷ đồng (kể cả doanh thu ngành kinh doanh bất động sản và dịch vụ hành chính hỗ trợ), chiếm 21,5%, tăng 2,8% so tháng trước, tăng 15,6% so cùng kỳ.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng

	Ước thực hiện tháng 1/2017		% so sánh tháng 1/2017 với	
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tháng 12/2016	Tháng 1/2016
Tổng số	82.086	100,0	103,9	112,1
Thương nghiệp	54.788	66,7	104,3	111,3
Khách sạn nhà hàng	7.340	8,9	101,7	99,3
Dịch vụ lữ hành	2.291	2,8	114,3	177,2
Dịch vụ khác	17.666	21,5	102,8	115,6

2. Chỉ số giá

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 01/2017 so tháng trước tăng 0,85%, trong đó:

+ 8 nhóm hàng tăng nhẹ so tháng trước: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,19%); Nhóm đồ uống và thuốc lá (+0,53%); Nhóm nhà ở điện nước (+0,49%); Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,29%); Nhóm thuốc và dịch vụ y tế (+10,52%); Nhóm giao thông (+3,43%); Nhóm văn hóa giải trí du lịch (+0,32%); Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+1,11%).

+ 2 nhóm hàng giảm: Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép (-0,16%); Nhóm bưu chính viễn thông (-0,79%).

+ Riêng nhóm giáo dục không thay đổi so tháng trước.

Tình hình cụ thể một số nhóm ngành hàng so tháng trước :

- **Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống:** Sau khi giảm nhẹ ở tháng trước (-0,02%), bước qua tháng 01 năm 2017 do là tháng giáp Tết âm lịch nên giá có tăng nhẹ so với tháng trước, trong đó: Nhóm Lương thực (+0,12%); Nhóm Thực phẩm (-0,24%) và nhóm ăn uống ngoài gia đình (+0,97%).

+ Lương thực: tăng 0,12% tập trung vào các nhóm hàng gạo và nhóm bột mì ngũ cốc, trong đó: gạo ngon (+0,57%), gạo nếp (+0,48%), ngô (+0,57%), bánh mì các loại (+0,16%) và miến (+0,38%), còn lại các mặt hàng khác thuộc nhóm lương thực không biến động hoặc giảm nhẹ so tháng trước.

+ Nhóm thực phẩm: Giá thực phẩm giảm nhẹ (-0,24%) so tháng trước, trong đó: Thịt heo (-0,90%); Thịt gia cầm tươi sống (-0,18%); Thịt chế biến (-0,52%); Dầu mỡ ăn (-0,56%); Rau các loại (-4,98%). Bên cạnh đó cũng có một số nhóm mặt hàng tăng như: Thịt bò (+0,57%); Trứng các loại (+0,68%); Thủy sản tươi sống (+0,96%); Thủy sản chế biến (+1,95%); Nước mắm, nước chấm (+1,88%); Các loại đậu hạt (+0,22%); Trái cây các loại (+1,34%); Đồ gia vị (+0,32%); Đường mật các loại (+0,63%); Bơ sữa phomat (+ 0,24%); Bánh mứt kẹo (+1,02%); Chè cà phê cacao (+0,81%). Các năm trước, tháng 01 thường là tháng giáp Tết, nên giá nhóm thực phẩm có nhích lên cao so với các tháng khác trong năm, nhưng từ năm 2014 đến nay giá cả nhóm thực phẩm có phần ổn định hơn do khối lượng hàng hóa phục vụ nhu cầu tết tương đối dồi dào và sức lan tỏa từ chương trình bình ổn giá trong suốt cả năm đã góp phần rất lớn trong việc kiềm chế việc tăng giá hàng thực phẩm vào những ngày cận Tết .

CHỈ SỐ GIÁ SO THÁNG TRƯỚC

Đơn vị tính: %

	Tháng 01 2012	Tháng 01 2013	Tháng 01 2014	Tháng 01 2015	Tháng 01 2016	Tháng 01 2017
Chỉ số nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống	100,03	100,76	100,16	100,20	100,00	100,19
Trong đó:	100,53	100,17	100,33	100,07	100,40	100,12
- Lương thực						
- Thực phẩm	101,23	101,43	100,19	100,34	99,89	99,76

- **Nhóm đồ uống và thuốc lá:** Tăng 0,53% so tháng trước và tăng ở các nhóm mặt hàng: Nước giải khát có ga (+0,56%); Rượu bia các loại (+0,81%), đồ: Rượu mạnh (+0,51%); Bia các loại (+0,84%); Thuốc lá các loại (+0,64%). Chỉ số giá nhóm này tăng cao do nhu cầu tăng cao vào dịp Tết âm lịch sắp đến, đây cũng là hiện tượng bình thường.

- **Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép:** Giảm nhẹ 0,16% so tháng trước chủ yếu do giảm mạnh ở các mặt hàng giày dép (-1,29%); bít tất các loại (-1,21%), chỉ số chung nhóm may mặc tuy có giảm nhẹ nhưng nhìn chung các mặt hàng khác trong nhóm may mặc như: Quần áo may sẵn người lớn; Quần áo may sẵn trẻ em; khăn các loại; thắt lưng; mũ nón; các dịch vụ phục vụ đi kèm...đều tăng nhẹ do đây cũng là một trong những nhóm hàng được tiêu dùng nhiều vào dịp Tết âm lịch sắp đến nên giá cả có nhích lên so những tháng bình thường, Riêng các mặt hàng vải giá cả không biến động so ngày thường do lượng cung trên thị trường hiện nay khá dồi dào với nhiều mẫu mã phong phú.

- **Nhóm nhà ở , điện nước, chất đốt, VLXD:** tăng nhẹ 0,49% so tháng trước trong đó: Giá nhà thuê (+0,20%); giá điện sinh hoạt (+0,66%), giá nước sinh hoạt (+0,56%), giá thép, giá cát, đá xây dựng ... có nhích nhẹ so kỳ trước, riêng giá xi măng không biến động so tháng trước do nhu cầu giảm. Riêng giá gas và dầu hỏa tăng với mức tăng bình quân lần lượt là: 4,63% và 9,18% so tháng trước .

- **Nhóm thuốc và dịch vụ y tế:** Tăng 10,52% so tháng trước, trong đó: Giá dịch vụ y tế được các bệnh viện tiếp tục cập nhật tăng 13,15% so tháng trước sau khi đã tăng 23,28% ở tháng 12/2016, tại TP HCM giá dịch vụ y tế thay đổi theo lộ trình của Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 và có hiệu lực từ ngày 21/12/2016 bao gồm: (chi phí trực tiếp + phụ cấp đặc thù + chi phí tiền lương), việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế tại TP HCM theo thông tư nói trên được thực hiện từ thời điểm 21/12/2016 nhưng chỉ mới được điều chỉnh ở các bệnh viện hạng 3 và chỉ được điều chỉnh ở một vài loại dịch vụ như: Chạy điện tâm đồ; Công châm cứu; Phí nằm viện **bệnh viện** khoa nội và khoa ngoại **hạng 3**, còn lại các dịch vụ khác như: Khám lâm sàng chung hoặc khám chuyên khoa; Siêu âm ổ bụng; Chạy điện tâm đồ; Chụp X- quang phổi; Phí nằm viện **bệnh viện** khoa nội và khoa ngoại **hạng 2 và hạng 1...** Tiếp tục được cập nhật và điều chỉnh trong tháng 1/2017, như vậy qua 2 lần điều chỉnh (lần 1 tháng 12/2016, lần 2 tháng 01/2017) giá các dịch vụ y tế có sự thay đổi so với mức giá tháng 3/2016 như sau :

- Khám lâm sàng chung hoặc khám chuyên khoa (+25,63%)
- Siêu âm ổ bụng (+18,27%)
- Xét nghiệm nước tiểu (+4,24%)
- Chạy điện tâm đồ (+8,87%)
- Chụp X- quang phổi (+8,55%)
- Trám răng (+17,04%)
- Nội soi thực quản, dạ dày tá tràng... (+10,90%)
- Công châm cứu (+9,88%)
- Phí nằm viện bệnh viện khoa nội và khoa ngoại (không kể thuốc và xét nghiệm) của bệnh viện hạng 2 và hạng 1 (+7,78%)

- Phí nằm viện bệnh viện khoa nội và khoa ngoại (không kể thuốc và xét nghiệm) của bệnh viện hạng 3 lần lượt tăng (khoa nội +20,38% ; khoa ngoại 21,27%)

Giá 9 nhóm dịch vụ kỹ thuật nêu trên đã được thu thập theo mức giá mới đã được cập nhật tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế bình quân tại TP HCM là **76,40%** thay thế cho tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế thời điểm 01/3/2016 là: 69,49%.

- **Nhóm giao thông:** tăng 3,43% so tháng trước, chủ yếu do tác động của lần tăng giá xăng ở tháng trước (ngày 20/12/2016 mức giá mới A95, A92 được điều chỉnh lần lượt: 18.290 đ/lít và 17.590 đ/lít thay cho mức giá cũ 17.370 đ/lít và 16.670 đ/lít). Trong tháng 01/2017 giá xăng tuy không thay đổi nhưng do giá bình quân tháng 01 được tính từ ngày 22 tháng trước đến ngày 21 tháng báo cáo vì vậy việc điều chỉnh giá ngày 20/12/2016 đã tác động tới giá bình quân trong tháng 01/2017 làm cho giá xăng bình quân tăng trên 6% so tháng trước, riêng giá dầu diesel được điều chỉnh tăng 2 lần, lần 1 ngày 04/01/2017 và lần 2 ngày 19/01/2017 theo đó mức giá mới qua 2 lần điều chỉnh là 14.040 đ/lít thay cho mức giá cũ 13.430 đ/lít, bên cạnh đó giá một vài loại xe gắn máy và giá sắm xe máy tăng nhẹ, giá cước tàu hỏa tăng 6,57% so tháng trước đã góp phần vào việc tăng CPI trong tháng.

- **Nhóm văn hóa giải trí và du lịch** tăng 0,32% so tháng trước tập trung vào các nhóm mặt hàng: Sách, báo, tạp chí (+1,56%) do nhà xuất bản tăng giá; Hoa cây vật cảnh(+0,21%); Du lịch trọn gói trong nước tăng nhẹ 0,82% so tháng trước, riêng du lịch trọn gói tua đi nước ngoài không biến động.

- **Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác** tăng 1,11% so tháng trước tập trung vào các nhóm mặt hàng: Dịch vụ phục vụ cá nhân như: uốn tóc gội đầu (+1,24%); Vật dụng và các dịch vụ đi kèm về hiếu, hỉ như: Cho thuê đồ cưới, thuê xe cô dâu, thuê xe tang lễ thờ cúng và các dịch vụ đi kèm...(+0,54%); Riêng mặt hàng bảo hiểm y tế (+6,58%) trong đó: khu vực bảo hiểm y tế cho người lao động tự do (+13,33%), bảo hiểm y tế được điều chỉnh tăng theo mức lương tối thiểu vùng tăng từ 01/01/2017 theo quy định của **Nghị định 153/2016/NĐ-CP**, mức lương tối thiểu vùng được tăng đúng như phương án đã được Hội đồng Tiền lương Quốc gia đề xuất Chính phủ hồi tháng 8/2016, cụ thể:

Vùng	Lương tối thiểu 2016 (triệu đồng/tháng)	Lương tối thiểu 2017 (triệu đồng/tháng)
Vùng I	3,5	3,75
Vùng II	3,1	3,32
Vùng III	2,7	2,9
Vùng IV	2,4	2,58

So cùng kỳ và so tháng 12 năm trước: Chỉ số giá tiêu dùng tháng 01/2017 lần lượt tăng 5,31% và 0,85% (năm trước: giá tiêu dùng tăng 0,26% và giảm 0,03%).

*** Giá vàng và đô la Mỹ:**

Chỉ số giá vàng tháng 1 tăng 0,99% so tháng trước. Chỉ số tỷ giá USD giảm 0,25% so tháng trước.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 1 đạt 2.698,7 triệu USD, giảm 13% so tháng trước, **tăng 7,4% so cùng kỳ.**

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu tháng 1 ước đạt 2.508,1 triệu USD, tăng 9,2% so cùng kỳ.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu **bao gồm dầu thô** ước thực hiện tháng 1/2017 đạt 2.721,2 triệu USD, tăng 20,5% so tháng trước. **Loại trừ dầu thô ước đạt 2.530,6 triệu USD, tăng 23,9%.** Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm hơn một nửa trong tổng kim ngạch và có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 3 khu vực. Cụ thể:

+ Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 243,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,9%, giảm 35,7% (giảm 134,7 triệu USD).

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.601,4 triệu USD, chiếm 58,8%, tăng 59,5% (tăng 597,4 triệu USD).

+ Thành phần kinh tế Ngoài nhà nước đạt 876,7 triệu USD, chiếm 32,2%, giảm nhẹ 0,1% (giảm 0,6 triệu USD).

Thị trường xuất khẩu chủ yếu các nước: đứng đầu là Mỹ với 539,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 19,8%; Trung Quốc chiếm vị trí thứ 2 với 513,5 triệu USD, chiếm 18,9%; kế đến là Nhật Bản 236,7 triệu USD, chiếm 8,7%; Hàn Quốc 139,3 triệu USD, chiếm 5,1%; Malaysia 127,6 triệu USD, chiếm 4,7%; Hồng Kông 122,5 triệu USD, chiếm 4,5%.

Cụ thể ước tính kim ngạch xuất khẩu tháng 1 của một số mặt hàng vào các thị trường chính như sau:

+ Mỹ là thị trường xuất khẩu số một với 539,9 triệu USD, tăng 22% so cùng kỳ, trong đó: rau quả giảm 13,9%, dệt may tăng 19,1%, giày dép tăng 34,6%, thủy sản tăng 43,5%.

+ Thị trường thứ 2 là Trung Quốc: xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc ước tháng 1/2017 đạt 513,5 triệu USD, tăng 76% so cùng kỳ, trong đó: hàng thủy sản tăng không đáng kể 0,6%, giày dép tăng 3,3%, máy vi tính và linh kiện tăng gấp 4 lần, hàng dệt may tăng 19,4%, sợi dệt tăng 35,9%, hàng rau quả giảm 14,6%.

+ Nhật Bản: kim ngạch xuất khẩu đạt 236,7 triệu USD, tăng 1,3%, trong đó: thủy sản tăng 22,2%, dệt may giảm 1,7%, sản phẩm điện tử (+15,1%).

+ Hàn Quốc: xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt 139,3 triệu USD, tăng 25,4% so cùng kỳ, trong đó: thủy sản tăng 21,6%, rau quả giảm 32,7%, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 2,2 lần, cà phê giảm 9%, giày dép (+17%), dệt may (+17,7%).

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

- **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 377,2 triệu USD, giảm 17,8% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 14,9%. Trong đó:

+ Gạo: xuất khẩu tháng 1 ước đạt 38,1 ngàn tấn, giảm 28,3% về lượng; về giá trị đạt 38,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,5%, giảm 72,5% so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do thị trường chủ lực là Philipines so cùng kỳ giảm tới 91,4% về giá trị.

+ Cà phê: tiếp tục có kim ngạch xuất khẩu vượt cả gạo, ước xuất khẩu tháng 1 đạt 61,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,4%, giảm 6,1% so cùng kỳ.

+ Hàng thủy hải sản: ước xuất khẩu đạt 67,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,7%, tăng 4,1% so cùng kỳ

- **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 1.966,7 triệu USD, tăng 37,9%, chiếm tỷ trọng 77,7%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: ước xuất đạt 673,7 triệu USD, tăng 96,3% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 24,8%. Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 99,5%; khu vực trong nước chiếm 0,5%. Thị trường xuất khẩu lớn nhất nhóm hàng này là Trung Quốc chiếm tỷ trọng 39,9% và tăng gấp 4 lần so cùng kỳ; kế tiếp là Hồng Kông chiếm 13,4%, tăng 11,1%; Malaysia chiếm 10,7%, tăng 122,3% và Mỹ chiếm 6,2%, tăng 18% so cùng kỳ

+ Hàng may mặc ước đạt 528,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 20,9%, tăng 12,4% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 43,9%; khu vực trong nước chiếm 56,1%. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ (45,4%), Nhật (16,3%), Hàn Quốc (7%).

+ Hàng giày dép ước xuất 249,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 9,9%, tăng 14,1% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 80,8%; khu vực trong nước chiếm 19,2%. Thị trường chủ yếu là Mỹ (chiếm 27,5%), Nhật (chiếm 6,3%), Anh (chiếm 5,3%) và Trung Quốc chiếm 6,8%.

- **Nhóm hàng hóa khác** đạt 186,7 triệu USD, tăng 19,3%, chiếm tỷ trọng 7,4%

+ **Riêng dầu thô:** về lượng ước 01 tháng xuất đạt 496 tấn, giảm 14,6%; về trị giá đạt 190,6 triệu USD, giảm 12,3%, dù giá bình quân tăng 57% so cùng kỳ. Kim ngạch dầu thô chiếm 7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 1 đạt 3.476 triệu USD, giảm 10% so tháng trước, **tăng 27,6% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 1/2017 ước đạt 3.400,2 triệu USD, **tăng 43,9% so cùng kỳ** (+1.037,8 triệu USD). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 166,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,9%, tăng 37,3%;

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.422,4 triệu USD, chiếm 41,8%, tăng 62,3%;

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước 1.811,1 triệu USD, chiếm 53,3%, tăng 32,7%.

Thị trường nhập khẩu chủ yếu các nước: đứng đầu là Trung Quốc với 911,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 26,8%; Hàn Quốc đứng vị trí thứ 2 với 281,2 triệu USD, chiếm

8,3%, kế đến là Singapore 257,1 triệu USD, chiếm 7,6%; tiếp theo là Mỹ 245,2 triệu USD, chiếm 7,2%, Hồng Kông chiếm 6,1%, Thái Lan 5,9%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu :

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

- Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 763,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng lớn 22,4%, tăng 82,5% so cùng kỳ. Thị trường nhập khẩu chủ yếu từ Mỹ, Trung Quốc

- Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác ước đạt 435 triệu USD, chiếm tỷ trọng 12,8%, tăng 34,1% so cùng kỳ. Nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản.

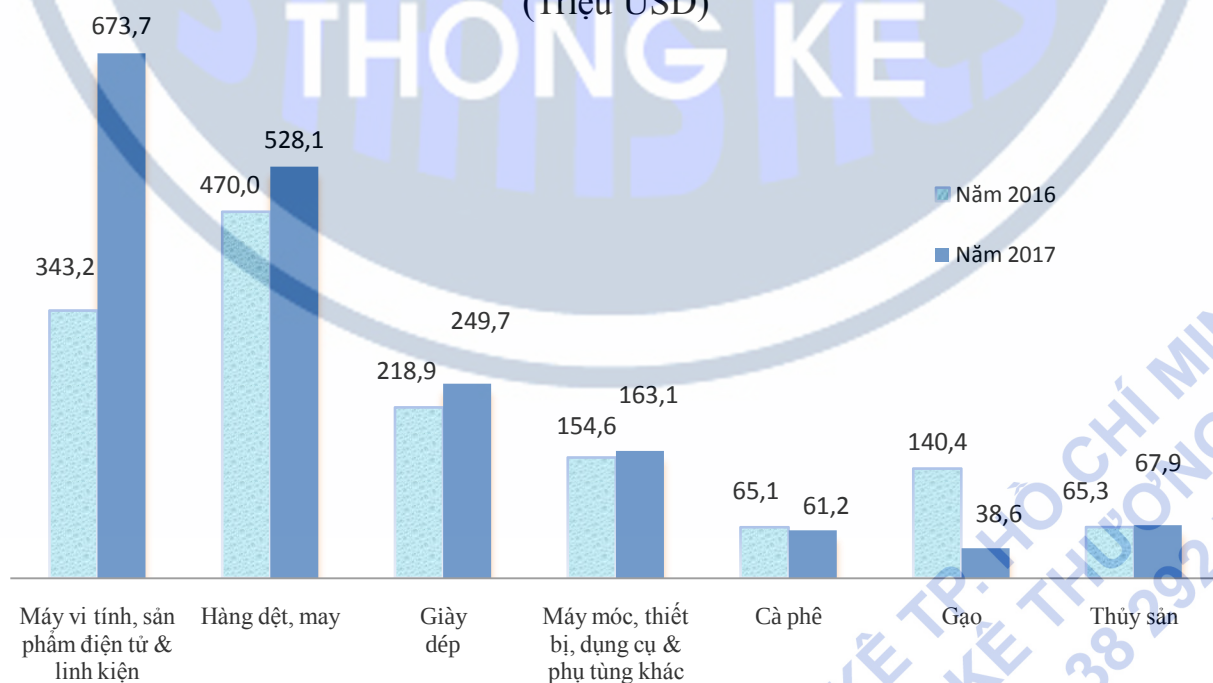
- Vải các loại ước đạt 197,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7%, tăng 19,8%. Nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật.

- Chất dẻo nguyên liệu 156,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,6%, tăng 31,1%.

- Sắt thép các loại 113,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,3%, tăng 23,7%. Thị trường chính là Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan

- Dược phẩm 111,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,3%, tăng 5,5%. Nhập khẩu chủ yếu từ Singapore, Pháp, Ấn Độ, Anh, Đức, Bỉ.

Đồ thị kim ngạch xuất khẩu 7 nhóm mặt hàng lớn nhất tháng 1 (Triệu USD)



VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 1 ước đạt 7.811,8 tỷ đồng, tăng 15,8% so với tháng trước và tăng 18,3% so cùng kỳ (1/2016).

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách

	Doanh thu tháng 1 (tỷ đồng)		% so sánh tháng 1/2017 với tháng 1/2016	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	6.003,1	1.808,7	116,3	125,5
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	377,9	31,1	97,6	110,3
Kinh tế ngoài nhà nước	5.590,1	1.347,8	117,7	123,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	35,1	429,8	128,8	132,4
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó: Đường bộ	3.774,5	1.381,9	124,0	125,4
Đường sông	553,6	34,5	104,9	90,2
Đường biển	1.659,5		105,1	
Đường hàng không	15,5	392,3	136,6	130,1

Vận tải hàng hóa: Doanh thu tháng 1 ước đạt 6.003,1 tỷ đồng, tăng 13,0% so tháng trước, tăng 16,3% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 6,3%, giảm 2,4% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,1%, tăng 17,7%.

Vận tải đường bộ chiếm 62,9%, tăng 24,0%. Vận tải đường biển chiếm 27,6%, tăng 5,1%.

Vận tải hành khách: Doanh thu tháng 1 ước đạt 1.808,7 tỷ đồng, tăng 26,4% so tháng trước, tăng 25,5% so cùng kỳ. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 74,5%, tăng 23,8% so cùng kỳ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 23,8%, tăng 32,4%.

Vận tải đường bộ chiếm 76,4%, tăng 25,4%; đường hàng không chiếm 21,7%, tăng 30,1%.

VII. TÀI CHÍNH

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước tháng 1/2017 ước thực hiện 33.131 tỷ đồng, đạt 9,52% dự toán, tăng 9,58% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 23.831 tỷ đồng, đạt 10,52% dự toán, tăng 8,63% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 1.500 tỷ đồng, đạt 12,10% dự toán, tăng 44,56% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 7.800 tỷ đồng, đạt 7,16% dự toán, tăng 7,45% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2017 (Tỷ đồng)		% thực hiện tháng 1 năm 2017 so với	
	Dự toán	Ước TH Tháng 1	Dự toán	Cùng kỳ năm 2016
Tổng thu cân đối ngân sách NN	347.882	33.131	9,52	109,58
I- Thu nội địa	226.482	23.831	10,52	108,63
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.447	3.031	11,46	94,77
2. Khu vực ngoài nhà nước	57.147	6.280	10,99	102,93
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	66.884	6.865	10,26	110,39
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	109.000	7.800	7,16	107,45
III- Thu từ dầu thô	12.400	1.500	12,10	144,56

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 12,72% tổng thu nội địa, giảm 5,23% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 2.150 tỷ đồng, đạt 11,77% dự toán, tăng 2,86% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 881 tỷ đồng, đạt 10,76% dự toán, giảm 20,50% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 6.280 tỷ đồng, tăng 2,93% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 6.865 tỷ đồng, tăng 10,39% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương tháng 1 ước đạt 7.237 tỷ đồng, đạt 10,68% dự toán, giảm 3,96% so cùng kỳ năm 2016.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) tháng 1 ước thực hiện 3.960 tỷ đồng, đạt 5,60% dự toán, tăng 14,29% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2017 (Tỷ đồng)		% thực hiện tháng 1 năm 2017 so với	
	Dự toán	Ước TH Tháng 1	Dự toán	Cùng kỳ năm 2016
Tổng chi (trừ tạm ứng)	70.647	3.960	5,60	114,29
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	25.147	1.500	5,97	140,52
II- Chi thường xuyên	34.200	2.447	7,16	102,19
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.054	212	3,50	118,63
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	10.551	700	6,63	115,41
Sự nghiệp y tế	2.300	126	5,46	103,27
Quản lý hành chính	5.661	477	8,43	108,54

Chi đầu tư phát triển 1.500 tỷ đồng, đạt 5,97% dự toán, tăng 40,52% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 2.447 tỷ đồng, đạt 7,16% dự toán, tăng 2,19% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 212 tỷ đồng, đạt 3,50% dự toán, tăng 18,63%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 700 tỷ đồng, đạt 6,63% dự toán, tăng 15,41%; chi sự nghiệp y tế 126 tỷ đồng, đạt 5,46% dự toán, tăng 3,27%; chi quản lý hành chính 477 tỷ đồng, đạt 8,43% dự toán, tăng 8,54% so cùng kỳ 2016.

2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố duy trì tốc độ tăng trưởng khá so với các năm trước đảm bảo nguồn vốn và tạo điều kiện cho các TCTD thực hiện mở rộng và tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch. Đến đầu tháng 1 đạt 1.777,46 ngàn tỷ đồng, tăng 0,22% so tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,98%) và tăng 13,42% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 53,45% tổng vốn huy động, tăng 13,06% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 12,43%, giảm 9,09% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu ở mức 87,57%, tăng 17,55% so tháng cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 48,56% tổng vốn huy động, tăng 16,1% so với tháng cùng kỳ. Đây là bộ phận tiền gửi chiếm tỷ trọng cao và đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất so với các bộ phận tiền gửi khác.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn đến đầu tháng 1 đạt 1.473,94 ngàn tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +2,16%); so với tháng 12/2016 tăng 19,33%, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong những năm gần đây.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 804,03 ngàn tỷ đồng, chiếm 54,55% tổng dư nợ, tăng 17,53% so tháng cùng kỳ. Dư nợ bằng ngoại tệ đạt 138,56 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,4% tổng dư nợ, tăng 0,51% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.335,38 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,6% tổng dư nợ, tăng 21,69% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 12 năm 2016, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 322 gồm 320 mã cổ phiếu, 1 mã chứng chỉ quỹ và 1 mã quỹ ETF, tăng 2 mã cổ phiếu và 1 mã chứng chỉ quỹ so với cuối tháng 11 (ngày 6/12 mã cổ phiếu SAB của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giao dịch ngày đầu tiên; ngày 22/12 mã chứng chỉ quỹ FUCTVGF1 của Quỹ Đầu tư tăng trưởng TVAM giao dịch ngày đầu tiên; ngày 28/12 mã cổ phiếu NVL của Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc No Va giao dịch ngày đầu tiên). Ngày 26/12 mã trái phiếu ANC11601 giao dịch ngày đầu tiên.

Giá trị vốn hóa thị trường là 1.492.358,95 tỷ đồng, tăng 30,08% so với cuối năm 2015. Trong tháng 12/2016 có 22 phiên giao dịch, 12 phiên tăng điểm và 10 phiên giảm điểm. VN-Index trong tháng không có xu hướng rõ ràng. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 664,87 điểm, giảm 0,03% (tương ứng giảm 0,20 điểm) so với cuối tháng trước và tăng 14,82% (tương ứng tăng 85,84 điểm) so với cuối năm 2015.

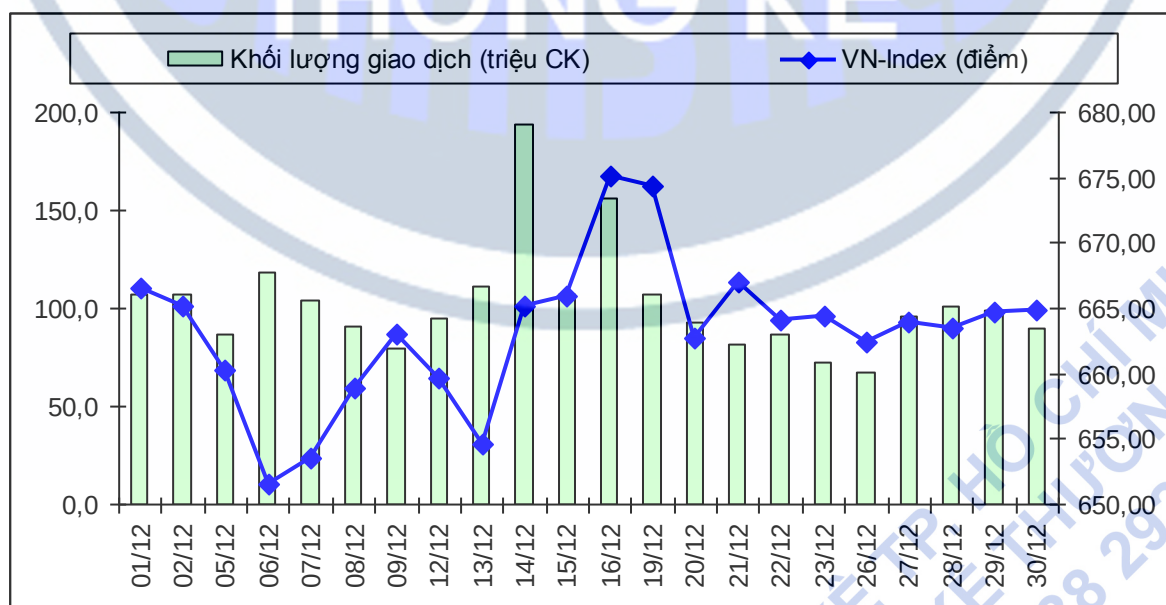
Khối lượng giao dịch của tháng 12/2016 đạt 2.890,43 triệu chứng khoán, tăng 11,31% so với tháng trước. Giá trị giao dịch của tháng đạt 56.943,30 tỷ đồng, tăng 13,17% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 131,38 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.588,33 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 11,31% và giá trị giao dịch tăng 13,17% so với tháng trước.

Đến cuối năm 2016, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 21/01 với 521,88 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 19/10 với 688,89 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 12/2016	12 tháng năm 2016	Tháng 12 so tháng 11	12 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.890,43	32.431,74	111,31	114,95
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.866,90	32.267,73	111,02	114,73
Trái phiếu	17,34	102,13	240,46	210,42
Chứng chỉ quỹ & ETF	6,19	61,88	87,55	158,38
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.250,13	28.327,16	97,38	111,70
Giao dịch thỏa thuận	640,30	4.104,58	223,81	143,81
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	56.943,30	613.122,27	113,17	125,79
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	55.100,39	602.026,24	111,31	124,89
Trái phiếu	1.780,79	10.471,21	239,69	209,86
Chứng chỉ quỹ & ETF	62,12	624,82	85,60	168,49
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	42.210,66	500.422,30	95,17	120,84
Giao dịch thỏa thuận	14.732,64	112.699,97	247,18	153,78

Đồ thị VN-Index tháng 12/2016 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 16/01/2017, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 323. Giá trị vốn hóa thị trường là 1.522.884,49 tỷ đồng, tăng 2,05% so với cuối năm 2016; VN-Index đạt 677,94 điểm, tăng 13,07 điểm so với cuối năm 2016 (tương ứng tăng 1,97%).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/11/2016 đến ngày 15/12/2016)

1.1. Vi phạm kinh tế: đã khám phá 73 vụ vi phạm. Trong đó, buôn lậu và buôn bán vận chuyển hàng ngoại nhập lậu (15 vụ); buôn bán, vận chuyển hàng cấm (4 vụ); kinh doanh hàng hóa không hóa đơn, chứng từ (24 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả, vi phạm sở hữu công nghiệp (4 vụ); kinh doanh trái phép, trốn thuế (19 vụ) và khác (7 vụ); thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 2,9 tỷ đồng.

Lĩnh vực môi trường: đã lập biên bản xử lý 17 vụ vi phạm về các hành vi gây ô nhiễm môi trường, vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại, vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường, vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, vi phạm các quy định về bảo vệ động vật quý hiếm, xử lý nộp kho bạc Nhà nước khoảng 2,5 tỷ đồng.

1.2. Phạm pháp hình sự: xảy ra 437 vụ phạm pháp hình sự, giảm 14,3% so với cùng kỳ (11/24 quận, huyện có số vụ phạm pháp được kéo giảm); làm chết 12 người, bị thương 62 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 13,5 tỷ đồng.

Trong đó, 8 loại án được kéo giảm gồm: giết người 9 vụ (-5 vụ); cướp tài sản 14 vụ (-5 vụ); giao cấu trẻ em 2 vụ (-1 vụ); cưỡng đoạt tài sản 3 vụ (-4 vụ); chống người thi hành công vụ 01 vụ (-07 vụ); cướp giật tài sản 64 vụ (-23 vụ); trộm cắp tài sản 241 vụ (-31 vụ); lừa đảo - lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 34 vụ (-07 vụ). 3 loại án tăng gồm: hiếp dâm 6 vụ (5 vụ); cố ý gây thương tích 49 vụ (+1 vụ) và án khác 14 vụ (+5 vụ).

Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá nhanh là 277 vụ (đạt 63,4%) và bắt 254 người vi phạm.

1.3. Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

Ma túy: đã khám phá 112 vụ mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bắt 254 người vi phạm, thu giữ khoảng 3,401 kg êrôin; 4,591 kg ma túy tổng hợp; 72,0213 gram cần sa; 1 khẩu súng; 1 xe ô tô; 72 xe gắn máy; 142 điện thoại di động; 445 triệu đồng và một số dụng cụ để phân chia và sử dụng ma túy. Đã khởi tố 82 vụ, bắt 116 người vi phạm, xử lý hành chính 29 vụ 136 tên.

Mại dâm và tệ nạn xã hội khác: phát hiện, xử lý 1 vụ, 2 đối tượng tổ chức, mua bán dâm, lập biên bản 92 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

Cờ bạc, cá độ: Đã khám phá, xử lý 30 vụ, 207 đối tượng tổ chức cờ bạc, thu giữ khoảng 245 triệu đồng và nhiều hiện vật.

1.4. Trật tự an toàn giao thông: tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 352 vụ tăng 16,9% (+51 vụ) so với cùng kỳ năm trước, làm chết 55 người, bị thương 276 người. Trong đó, tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên 63 vụ tăng 3,27% (+2 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 55 người, bị thương 13 người và 289 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 263 người, hư hỏng 78 xe các loại.

Đã lập biên bản hành chính 42.601 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 5.874 xe các loại, tước giấy phép lái xe 8.702 trường hợp. Ra quyết định xử phạt 25.016 trường hợp, chuyển kho bạc nhà nước khoảng 17,7 tỷ đồng.

Tai nạn giao thông đường thủy xảy ra 1 vụ và chạm trên tuyến thủy nội địa, không thiệt hại về người. Tai nạn giao thông đường sắt không xảy ra.

1.5. Về tình hình cháy, nổ: đã xảy ra 87 vụ cháy, tăng 19,4% (+21 vụ) so với cùng kỳ năm trước; 9 người chết và 10 người bị thương, thiệt hại về tài sản ước khoảng 64 triệu đồng (trong đó có 17 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân xảy ra cháy chủ yếu do sự cố các hệ thống, thiết bị điện; bất cẩn trong sinh hoạt, sản xuất.

Trong tháng trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ.

2. Giải quyết việc làm: trong tháng 1, các thành phần kinh tế đã thu hút 26.198 lao động vào làm việc (đạt 9,36% so với kế hoạch), tăng 18,64% so với tháng 12/2016; số việc làm mới tạo ra 12.309 việc làm (đạt 9,85% kế hoạch), tăng 47,27% so với tháng 12/2016. Nhu cầu nhân lực tăng cao tập trung nhiều vào nhóm công việc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ phục vụ dịp tết như bán hàng, tiếp thị, giao hàng, vận tải, dịch vụ du lịch - nhà hàng - khách sạn, bảo vệ...

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 01 năm 2017.